

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ¹

**Hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty
chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam**

Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2023;

2. Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

¹ Văn bản được hợp nhất từ 03 Thông tư sau:

- Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

- Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Thông tư nêu trên.

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.²

² Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.”

Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.”

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng của Thông tư này bao gồm:

a) Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam;

b) Các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc bản sao đã được đối chiếu khớp đúng với bản chính.

2. *Công ty mẹ* là tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở nước ngoài đăng ký hoạt động văn phòng đại diện hoặc đăng ký thành lập chi nhánh tại Việt Nam. Công ty mẹ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động và các nghĩa vụ phát sinh của văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam.

3. *Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* là đơn vị phụ thuộc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và được công ty mẹ chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi hoạt động của mình tại Việt Nam.

4. *Giám đốc chi nhánh* là người đứng đầu chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

5. *Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam* là đơn vị phụ thuộc của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. *Trưởng văn phòng đại diện* là người đứng đầu văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

7. *Đại diện có thẩm quyền của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài là:*

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc điều hành hoặc Tổng Giám đốc của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, chủ sở hữu tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài;

b) Những người được đối tượng tại điểm a khoản này ủy quyền bằng văn bản;

c) Những người có đủ thẩm quyền theo Điều lệ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài để ký các tài liệu quy định tại Thông tư này và thực hiện các công việc liên quan trong phạm vi thẩm quyền được giao.

8. *Nước nguyên xứ* là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi công ty mẹ thành lập, đặt trụ sở chính.

Điều 3. Trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh

1. Trụ sở của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam được đặt trên lãnh thổ Việt Nam, là địa chỉ liên lạc của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài, có địa chỉ được xác định, có số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có) và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về an ninh, trật tự, an toàn vệ sinh lao động và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được cho mượn, cho thuê lại trụ sở.

Điều 4. Ngôn ngữ giao dịch

Văn bản giao dịch chính thức của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải sử dụng tiếng Việt hoặc đồng thời tiếng Việt và tiếng nước ngoài thông dụng.

Điều 5. Tên văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Tên văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

2. Tên văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải bao gồm tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài và phải đảm bảo nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Tên văn phòng đại diện được đặt theo thứ tự “Văn phòng đại diện - tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài - tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”;

c) Tên chi nhánh được đặt theo thứ tự “Chi nhánh - tên công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài - tại Việt Nam”.

3. Tên văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải được gắn tại trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh.

Điều 6. Trách nhiệm của Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh

1. Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật

Việt Nam và trước công ty mẹ về hoạt động của mình và của văn phòng đại diện, chi nhánh trong phạm vi được công ty mẹ ủy quyền.

2. Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác trong văn phòng đại diện, chi nhánh để thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam sau khi được công ty mẹ chấp thuận. Thời hạn ủy quyền tối đa là 90 ngày. Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này mà Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền phải thông báo cho công ty mẹ. Sau khi nhận được thông báo của người được ủy quyền, công ty mẹ có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh hiện hữu và việc bổ nhiệm Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh mới (nếu có). Người được ủy quyền có quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh trong phạm vi đã được ủy quyền, hiệu lực tối đa trong vòng 30 ngày sau khi được công ty mẹ chấp thuận.

4. Công ty mẹ phải bổ nhiệm Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh mới trong các trường hợp sau:

a) Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không hiện diện tại Việt Nam quá 30 ngày liên tiếp mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh;

b) Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không hiện diện tại Việt Nam quá 90 ngày liên tiếp;

c) Trường văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

5. Trường văn phòng đại diện, nhân viên tại văn phòng đại diện không được đồng thời đảm nhiệm các vị trí sau:

a) Giám đốc chi nhánh của công ty mẹ, Trường văn phòng đại diện, nhân viên của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam;

b) Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc nhân viên làm việc cho doanh nghiệp thành lập theo pháp luật Việt Nam;

c) Người đại diện theo pháp luật, thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của công ty mẹ hoặc cá nhân khác làm việc cho công ty mẹ, có quyền thay mặt công

ty mẹ ký kết các hợp đồng kinh tế, giao dịch tài sản mà không cần ủy quyền bằng văn bản của công ty mẹ.

6. Trưởng văn phòng đại diện chỉ được thay mặt công ty mẹ để ký kết các hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của công ty mẹ với các tổ chức kinh tế Việt Nam trong trường hợp có ủy quyền hợp pháp bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của công ty mẹ. Giấy ủy quyền phải được lập riêng cho mỗi lần ký kết và phải gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bản sao giấy ủy quyền này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giấy ủy quyền có hiệu lực.

Điều 7. Nghĩa vụ về thuế, kế toán của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, người làm việc tại văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính theo pháp luật về thuế và quản lý thuế tại Việt Nam.

2. Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện đầy đủ pháp luật về kế toán tại Việt Nam như đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong nước.

3. Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công tác kế toán theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về kế toán đối với văn phòng đại diện của doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam.

Điều 8. Cơ chế tài chính của chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam như đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ trong nước.

Điều 9. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Công ty mẹ và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại nước ngoài nơi công ty mẹ đóng trụ sở chính trước khi thực hiện kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam phải thông báo và gửi đề cương nội dung kiểm tra cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được kết luận của công ty mẹ hoặc của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại nước ngoài, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ tại Việt Nam gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước kết quả kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, kết luận thanh tra,

kiểm tra của công ty mẹ, cơ quan quản lý có thẩm quyền tại nước ngoài đối với hoạt động của chi nhánh tại Việt Nam.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 10. Phạm vi hoạt động, quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện và nhân viên tại văn phòng đại diện

1. Phạm vi hoạt động của văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 78 Luật Chứng khoán.

2. Quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam:

a) Được mở tài khoản bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng thương mại được phép hoạt động kinh doanh ngoại hối tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của văn phòng đại diện. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của văn phòng đại diện thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan;

b) Được tuyển dụng người lao động Việt Nam và lao động nước ngoài vào làm việc tại văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyển dụng người lao động nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện tại Việt Nam, công ty mẹ hoặc văn phòng đại diện (trong trường hợp được công ty mẹ ủy quyền) phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc tuyển dụng nhân sự nước ngoài kèm theo các văn bản xác nhận sự chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Lao động;

c) Có dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam và chỉ được sử dụng dấu này trong các văn bản giao dịch thuộc quyền hạn và chức năng của văn phòng đại diện;

d) Chỉ được thực hiện những hoạt động theo nội dung và trong thời hạn hoạt động quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện; không được thực hiện các hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam; không được thực hiện việc quản lý tài sản, quản lý vốn đầu tư cho các nhà đầu tư, kể cả phần vốn đầu tư của công ty mẹ tại Việt Nam và các hoạt động kinh doanh chứng khoán khác tại Việt Nam;

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Ngày chính thức hoạt động

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chính thức hoạt động, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo hoạt động của mình theo mẫu quy định tại

Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này và các tài liệu xác thực đã hoàn tất việc công bố thông tin hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nghĩa vụ báo cáo, lưu trữ hồ sơ của văn phòng đại diện

1. Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian hoạt động có nghĩa vụ báo cáo hoạt động định kỳ hằng quý, năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Nội dung báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Thời hạn nộp các báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo quý: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

b) Đối với báo cáo năm: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

3. Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của quý báo cáo;

b) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo;

c) Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một kỳ báo cáo thì kỳ báo cáo tính từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

4.³ Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ dưới hình thức văn bản điện tử trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

5. Văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải lưu trữ tại trụ sở đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu, hồ sơ và cập nhật thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động của văn phòng đại diện. Trong trường hợp cần thiết, khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, văn phòng đại diện công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu hoặc giải trình các vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình và hoạt động của công ty mẹ trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

Chương III
HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN,
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Mục 1
HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

1. Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam do công ty mẹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ của công ty chứng khoán trong nước.

2. Nhân viên kiểm soát tuân thủ của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam không phải là người có liên quan đến Giám đốc chi nhánh; đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành về tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán. Nhân viên kiểm soát tuân thủ phải có chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, hoặc có chứng chỉ hành nghề chứng khoán ở nước ngoài và chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam phải bố trí nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại các vị trí sau:

- a) Tư vấn, giải thích hợp đồng ký kết với khách hàng;
- b) Ký kết quả phân tích, báo cáo phân tích chứng khoán;
- c) Đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc mua, bán, nắm giữ chứng khoán.

Điều 14. Phạm vi hoạt động và nội dung hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

1. Phạm vi hoạt động

Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam chỉ được thực hiện nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Nội dung hoạt động

Nội dung hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam bao gồm việc cung cấp kết quả phân tích, báo cáo phân tích, đưa ra khuyến nghị cho khách hàng có thu phí hoặc không thu phí trong các trường hợp sau:

- a) Cung cấp báo cáo kết quả phân tích tình hình giao dịch trên thị trường chứng khoán và đưa ra khuyến nghị đầu tư;
- b) Cung cấp báo cáo kết quả phân tích hoạt động công ty đại chúng, công ty niêm yết và doanh nghiệp khác và đưa ra khuyến nghị đầu tư;
- c) Ký kết hợp đồng tư vấn đầu tư chứng khoán với khách hàng.

Điều 15. Quyền của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam có các quyền sau đây:

1. Được thu giá dịch vụ tư vấn theo thỏa thuận với khách hàng và quy định của pháp luật.
2. Được mở tài khoản bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại ngân hàng thương mại được phép hoạt động kinh doanh ngoại hối tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của chi nhánh. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.
3. Được tuyển dụng người lao động Việt Nam và lao động nước ngoài vào làm việc tại chi nhánh theo quy định pháp luật có liên quan.
4. Có dấu riêng theo quy định của pháp luật Việt Nam và chỉ được sử dụng dấu này trong các văn bản giao dịch thuộc quyền hạn và chức năng của chi nhánh.
5. Các quyền khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Nghĩa vụ của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

1. Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
2. Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của chi nhánh cho khách hàng phải phù hợp với tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro của từng khách hàng, trừ trường hợp khách hàng không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin nhưng không đầy đủ, chính xác.
3. Bảo mật các thông tin nhận được từ người sử dụng dịch vụ tư vấn trong quá trình cung ứng dịch vụ tư vấn trừ trường hợp được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Cập nhật, lưu giữ đầy đủ hồ sơ thông tin khách hàng, chứng từ của khách hàng và chi nhánh.
5. Chỉ được sử dụng nguồn vốn được cấp cho hoạt động kinh doanh được cấp phép, không được phép vay từ các tổ chức, cá nhân khác ngoại trừ công ty mẹ.
6. Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau: quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng; thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ; quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác; cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó, cung cấp thông tin sai lệch, gian lận hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật có liên quan.

Mục 2**HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM****Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam**

Cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam do công ty mẹ quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam về cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ của công ty quản lý quỹ trong nước.

Điều 18. Phạm vi hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam chỉ được cung cấp dịch vụ quản lý tài sản cho vốn huy động tại nước ngoài, bao gồm cả tài sản phát sinh tại Việt Nam được hình thành từ nguồn vốn huy động ở nước ngoài.

Điều 19. Quyền của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có các quyền sau đây:

1. Được sử dụng tài sản huy động từ nước ngoài để tài trợ cho các dự án, doanh nghiệp, cho vay, thực hiện các hợp đồng đầu tư theo chỉ thị của khách hàng ủy thác, hợp đồng ủy thác đầu tư, điều lệ của tổ chức nước ngoài, quỹ nước ngoài, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, pháp luật ngân hàng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chuyển lợi nhuận của chi nhánh ra nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phù hợp với Giấy phép thành lập và hoạt động, quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Điều 20. Nghĩa vụ của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:

1. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được huy động vốn tại Việt Nam để quản lý dưới mọi hình thức.

2. Trong hoạt động quản lý tài sản, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau:

a) Trừ trường hợp khách hàng ủy thác có chỉ thị hoặc có quy định tại hợp đồng ủy thác đầu tư, điều lệ của tổ chức nước ngoài, khi thực hiện quản lý tài sản cho khách hàng, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài phải tuân thủ các quy định về lưu ký, quản lý tách biệt tài sản tới từng khách hàng, giao dịch tài sản giữa các danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác theo các quy định pháp luật áp dụng đối với công ty quản lý quỹ trong nước;

b) Bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung

cấp thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan quản lý có thẩm quyền;

c) Tuân thủ quy định pháp luật ngoại hối, hạn chế sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam, phòng chống rửa tiền và các quy định pháp luật khác có liên quan;

d) Không được vay trên lãnh thổ Việt Nam cho khách hàng, cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc cho chính mình dưới mọi hình thức; không được sử dụng tài sản ủy thác, tài sản của mình để thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược hoặc đảm bảo cho các khoản vay, bảo lãnh cho các khoản vay trên lãnh thổ Việt Nam, kể cả cho khách hàng ủy thác, cho các tổ chức, cá nhân khác hoặc cho chính mình;

đ) Không được chào bán, phát hành chứng khoán để huy động vốn trên lãnh thổ Việt Nam;

3. Trong hoạt động báo cáo sở hữu, báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm:

a) Đại diện cho khách hàng ủy thác thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin giao dịch theo quy định pháp luật về chứng khoán. Chi nhánh cùng với các khách hàng ủy thác tuân thủ các quy định pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với người có liên quan, cổ đông lớn, người nội bộ;

b) Tất cả giao dịch chứng khoán tại Việt Nam của thành viên Ban điều hành, nhân viên của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ của chi nhánh trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân nêu trên phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam chỉ được sử dụng vốn được cấp và vốn của khách hàng ủy thác (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) để chào mua công khai theo quy định tại Điều 35 Luật Chứng khoán khi được sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

5. Trong quá trình hoạt động, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và công ty mẹ phải bảo đảm:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty mẹ hoàn tất việc đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại Việt Nam, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các hạng mục đầu tư này; Công ty mẹ không được tham gia góp vốn,

mua cổ phần hoặc phần vốn góp để sở hữu trên 5% vốn điều lệ của một công ty quản lý quỹ tại Việt Nam;

b) Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam không được góp vốn, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại các công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán tại Việt Nam, ngoại trừ trường hợp mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

6. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải ban hành các quy trình nghiệp vụ, thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc sử dụng các quy định nội bộ do công ty mẹ ban hành, phù hợp với hoạt động nghiệp vụ của mình, đảm bảo có cơ chế kiểm soát, quản lý rủi ro gắn với từng sản phẩm, quy trình thực hiện nghiệp vụ kinh doanh.

7. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có trách nhiệm hằng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật.

Mục 3

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, LƯU TRỮ HỒ SƠ VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN, CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 21. Chế độ báo cáo, lưu trữ hồ sơ và công bố thông tin của chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam

1. Chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ về hoạt động của chi nhánh như sau:

a) Báo cáo tình hình hoạt động tháng, năm với các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục II và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm. Báo cáo tài chính 6 tháng phải được soát xét và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận;

c) Báo cáo về chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định pháp luật về chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ về hoạt động của chi nhánh như sau:

a) Các báo cáo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong đó Báo cáo tình hình hoạt động tháng, năm thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình quản lý danh mục đầu tư tháng theo quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này; báo cáo tài chính năm của các quỹ đầu tư thành

lập tại nước ngoài, đang thực hiện đầu tư tại Việt Nam, lập theo quy định của nước nguyên xứ.

3. Thời hạn nộp các báo cáo:

a) Đối với báo cáo tháng: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng;

b) Đối với báo cáo quý: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

c) Đối với báo cáo 6 tháng: Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý II;

d) Đối với báo cáo năm: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm.

4. Thời gian chốt số liệu đối với báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 2 Điều này như sau:

a) Đối với báo cáo tháng: Tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

b) Đối với báo cáo quý: Tính từ ngày đầu tiên của quý báo cáo đến ngày cuối cùng của quý báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

c) Đối với báo cáo 6 tháng: Tính từ ngày 01 tháng 01 kỳ báo cáo đến hết ngày 30 tháng 06 kỳ báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

d) Đối với báo cáo năm: Tính từ ngày 01 tháng 01 năm báo cáo đến ngày 31 tháng 12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định);

e) Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một kỳ báo cáo thì kỳ báo cáo được tính từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đến ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

5.⁴ Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các báo cáo định kỳ dưới hình thức văn bản điện tử trên cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

6. Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước các sự kiện có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng tài chính, hoạt động của chi nhánh trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ khi xảy ra các sự kiện đó.

7. Ngoài các trường hợp báo cáo quy định tại Điều này, trong trường hợp cần thiết, nhằm bảo vệ lợi ích chung và lợi ích nhà đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thể yêu cầu chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam báo cáo về các hoạt động khác trên lãnh thổ Việt Nam của chi nhánh hoặc của công ty mẹ.

8. Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 48 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu báo cáo quy định tại khoản 7 Điều này.

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.

9. Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam phải lưu trữ tại trụ sở đầy đủ, chính xác, kịp thời các tài liệu, hồ sơ và cập nhật thông tin, dữ liệu liên quan đến hoạt động của mình. Trong trường hợp cần thiết, khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam có nghĩa vụ kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu hoặc giải trình các vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình và hoạt động của công ty mẹ trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

10. Chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin và pháp luật về hoạt động của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁵

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và thay thế Thông tư số 91/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài

⁵ Điều 9 Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2023 quy định như sau:

“Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2023.
2. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Quản lý Giá, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 4 Thông tư số 88/2025/TT-BTC ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về chế độ báo cáo áp dụng đối với công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2025 quy định như sau:

“Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 10 năm 2025.
2. Trường hợp công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi là đối tượng báo cáo) không gửi được báo cáo qua hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vì lý do bất khả kháng như hệ thống mạng, máy chủ gặp sự cố, không thể sử dụng chứng thư số và các lý do bất khả kháng khác, đối tượng báo cáo có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, nêu rõ lý do và gửi báo cáo qua hệ thống thư điện tử hoặc dưới hình thức văn bản giấy. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

chính hướng dẫn đăng ký thành lập, tổ chức và hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, văn phòng đại diện, chi nhánh công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *h*

BỘ TÀI CHÍNH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: *39* /VBHN-BTC

Hà Nội, ngày *07* tháng *10* năm 2025

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Công TTĐT UBCKNN (để đăng tải);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCK *06b*). *h*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Đức Chi

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUÝ, NĂM CỦA
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động của văn phòng đại diện
(Quý/năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Nhân sự của văn phòng đại diện

1. Trưởng văn phòng đại diện:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa):

Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân¹ (đối với người Việt Nam)/Số hộ chiếu (đối với người nước ngoài):

Cấp ngày... tháng..... năm..... tại.....

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi thường trú (đối với người Việt Nam)²:.....

2. Lao động làm việc tại văn phòng đại diện:

- Lao động nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày và nơi cấp, chức danh tại văn phòng đại diện của từng người);

- Lao động Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện: (ghi rõ họ và tên, giới tính, số định danh cá nhân, ngày và nơi cấp, chức danh tại văn phòng đại diện của từng người).

3. Tình hình thay đổi nhân sự trong kỳ báo cáo (báo cáo chi tiết về):

¹ Số định danh cá nhân là số Thẻ Căn cước công dân hoặc số Chứng minh thư nhân dân.

² Cụm từ “nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam)” được thay thế bởi cụm từ “nơi thường trú (đối với người Việt Nam)” theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2023.

- Thay đổi Trưởng đại diện: (nếu có)
 - Thay đổi số lao động nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện: (nếu có)
 - Thay đổi số lao động Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện: (nếu có)
4. Tình hình thực hiện chế độ đối với người lao động làm việc tại văn phòng đại diện: lương, thưởng, bảo hiểm, các hoạt động khác...

II. Hoạt động của văn phòng đại diện

1. Tình hình hoạt động thực tế trong kỳ báo cáo:

STT	Nội dung hoạt động	Đối tác Việt Nam	Mục tiêu của Dự án	Giá trị (USD)		Ghi chú
				Ký kết	Thực hiện	
I	Xúc tiến xây dựng các dự án hợp tác					
II	Nghiên cứu thị trường					
III	Xúc tiến hợp đồng liên kết cung ứng dịch vụ chứng khoán cho nhà đầu tư nước ngoài					
IV	Xúc tiến hợp đồng liên kết cung ứng dịch vụ chứng khoán cho nhà đầu tư trong nước					
V	Xúc tiến hợp đồng ký giữa tổ chức nước ngoài và các tổ chức kinh tế trong nước					
VI	Các hoạt động khác có liên quan (ghi rõ)					

2. Các hoạt động khác: quảng cáo, hội thảo, giới thiệu về các dịch vụ, sản phẩm tài chính... theo quy định của pháp luật; các hoạt động xã hội (nếu có).....

III. Tổng quan chung về tình hình đầu tư của công ty mẹ tại Việt Nam (dành cho báo cáo năm)

TT	Tên Quỹ đầu tư/Dự án tại Việt Nam	Mã số giao dịch chứng khoán của Quỹ/Số giấy phép của dự án	Tổng giá trị danh mục đầu tư/Tổng giá trị đầu tư tại Việt Nam (USD)	Ghi chú

IV. Đánh giá chung về tình hình hoạt động trong kỳ báo cáo của văn phòng đại diện và kiến nghị, đề xuất

1. Đánh giá chung:

2. Kiến nghị, đề xuất:

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực, đầy đủ và chính xác của nội dung báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THÁNG CỦA CHI NHÁNH
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN CHI NHÁNH CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO
Hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam
(Tháng ... năm ...)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tình hình nhân sự của chi nhánh

Đối tượng	Số lượng người làm việc đầu tháng	Số lượng người làm việc cuối tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề đầu tháng	Số lượng người có chứng chỉ hành nghề tăng/giảm trong tháng		Số lượng người có chứng chỉ hành nghề cuối tháng
				Tăng	Giảm	
Giám đốc chi nhánh						
Bộ phận tư vấn						
Tổng số						

II. Tình hình hoạt động của chi nhánh

Loại tư vấn	Số hợp đồng đã ký đầu tháng	Số hợp đồng đã thanh lý trong tháng	Số hợp đồng ký mới trong tháng	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối tháng	Giá dịch vụ thu được trong tháng (đồng)
Tư vấn đầu tư chứng khoán					
1. Kết quả phân tích					
2. Báo cáo phân tích					
3. Khuyến nghị đầu tư chứng khoán					
Tổng cộng					

III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị

1. Khung pháp lý
2. Điều hành, quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
3. Các vấn đề khác phát sinh

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục III
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM CỦA CHI NHÁNH
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CHI NHÁNH CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO
Hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam
(Năm....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Tổ chức và nhân sự chi nhánh trong năm

1. Các thay đổi về tổ chức liên quan trong năm

- Thay đổi địa điểm chi nhánh (Liệt kê chi tiết);
- Thay đổi tên gọi (Liệt kê chi tiết);

2. Tình hình nhân sự công ty

Đối tượng (Liệt kê đầy đủ họ tên đối với người có CCHN tại thời điểm cuối kỳ)	Số lượng người có CCHN/ tổng số người làm việc tại thời điểm đầu năm	Số lượng người có CCHN thôi làm việc cho chi nhánh trong năm	Số lượng người có CCHN tuyển mới trong năm	Số lượng người có CCHN/tổng số người làm việc tại thời điểm cuối năm
Giám đốc chi nhánh				
Bộ phận tư vấn đầu tư chứng khoán				
Bộ phận khác				
Tổng số				

II. Vốn cấp cho chi nhánh và các chỉ tiêu an toàn tài chính trong năm báo cáo

1. Báo cáo cụ thể về các đợt tăng, giảm vốn cấp cho chi nhánh trong năm;
2. Báo cáo về tình hình đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng trong năm;
3. Các chỉ tiêu an toàn tài chính khác.

III. Cơ sở vật chất trong năm báo cáo

Báo cáo cụ thể những thay đổi, nâng cấp về cơ sở vật chất kỹ thuật trong năm bao gồm:

- Mở rộng diện tích trụ sở chi nhánh (Liệt kê chi tiết);
- Đầu tư nâng cấp hệ thống máy móc thuộc phần cứng (Giá trị đầu tư);
- Đầu tư nâng cấp phần mềm cho các hệ thống (Giá trị đầu tư);
- Đầu tư kho kết cho lưu trữ hồ sơ, chứng từ (Giá trị đầu tư);
- Các đầu tư cơ sở vật chất khác.

IV. Hoạt động của chi nhánh công ty chứng khoán

Loại hoạt động	Số hợp đồng đã ký đầu năm	Số hợp đồng đã thanh lý trong năm	Số hợp đồng ký mới trong năm	Số hợp đồng còn hiệu lực cuối năm	Giá dịch vụ thu được trong năm (đồng)
I. Tư vấn đầu tư chứng khoán					
II. Dịch vụ khác					
1.					
2.					

V. Báo cáo hoạt động giám sát tuân thủ

TT	Nội dung báo cáo	Số lần vi phạm trong năm	Hình thức xử lý	Ghi chú
I	Vi phạm quy định về số lượng người hành nghề chứng khoán			
II	Vi phạm chế độ công bố thông tin			
1	Chậm công bố thông tin			
2	Không công bố thông tin			
III	Vi phạm chế độ báo cáo			
1	Nộp chậm báo cáo			
2	Không nộp báo cáo			
IV	Về hoạt động giám sát tuân thủ			
1	Thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật			
2	Thực hiện các văn bản của UBCKNN			

VI. Chỉ tiêu an toàn tài chính

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ lệ
1	Vốn được cấp (đồng)		
2	Lãi (Lỗ) lũy kế (đồng)		
3	Tài sản cố định (đồng)		
4	Tỷ lệ vốn khả dụng (%)		
5	Tổng tài sản		

VII. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

.....

.....

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục IV
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THÁNG, NĂM CỦA
CHI NHÁNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CHI NHÁNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:..... , ngày tháng năm.....

BÁO CÁO
Hoạt động của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam
(Tháng/Năm)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh của chi nhánh công ty quản lý quỹ

1. Hoạt động quản lý danh mục đầu tư

STT	Loại hình nhà đầu tư	Số lượng hợp đồng			Giá trị hợp đồng			Giá dịch vụ quản lý danh mục thu được		
		Tại kỳ báo cáo	Chênh lệch so với kỳ báo cáo (+/-)	Lũy kế từ đầu năm	Tại kỳ báo cáo	Chênh lệch so với kỳ báo cáo (+/-)	Lũy kế từ đầu năm	Tại kỳ báo cáo	Chênh lệch so với kỳ báo cáo (+/-)	Lũy kế từ đầu năm
1	Cá nhân									
2	Tổ chức									
3	Tổng (3=2+1)									

2. Hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật

STT	Nội dung	Số lượng	Giá trị	Giá trị lũy kế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Các hợp đồng còn hiệu lực (nêu chi tiết loại hình dịch vụ)			
2	Các hợp đồng phát sinh trong tháng, trong đó			

STT	Nội dung	Số lượng	Giá trị	Giá trị lũy kế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Hợp đồng... (loại hợp đồng)			
	Khách hàng trong nước			
	Cá nhân			
	Tổ chức			
	Khách hàng nước ngoài			
	Cá nhân			
	Tổ chức			
	...			
	Giá dịch vụ thu được			
...				
	Tổng giá dịch vụ thu được			

II. Các thông tin liên quan nhân sự của chi nhánh

1. Cơ cấu tổ chức

STT	Nội dung	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
1	Tổng số nhân viên của chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài		
2	Số nhân viên có Chứng chỉ hành nghề, Chứng chỉ quốc tế (nêu rõ loại hình)		
3	Số nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ liên quan tới hoạt động phân tích, đầu tư, quản lý tài sản		
4	Số nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ liên quan tới hoạt động phân tích, đầu tư, quản lý tài sản có chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ quốc tế		

2. Chương trình đào tạo (trong báo cáo năm)

STT	Nội dung/Chương trình đào tạo, thời gian đào tạo	Số lượng nhân viên tham dự	Giảng viên
1			
2			

III. Các vướng mắc phát sinh và kiến nghị

1. Khung pháp lý
2. Điều hành, quản lý của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
3. Các vấn đề khác phát sinh.

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

KIỂM SOÁT
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục V
MẪU THÔNG BÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, CHI NHÁNH TỔ CHỨC KINH DOANH
CHỨNG KHOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI
DIỆN/CHI NHÁNH TỔ CHỨC
KINH DOANH CHỨNG
KHOÁN NƯỚC NGOÀI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO
Hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh tổ chức kinh doanh
chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Văn phòng đại diện/chi nhánh tại Việt Nam của... *(ghi bằng chữ in hoa tên đầy đủ của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép thành lập và hoạt động)*

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo chính thức hoạt động kể từ ngày.... tháng..... năm..... với nội dung như sau:

I. Văn phòng đại diện/chi nhánh

1. Tên văn phòng đại diện/chi nhánh *(tên đầy đủ, tên viết tắt (nếu có), tên giao dịch bằng tiếng Anh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép thành lập và hoạt động)*:

2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện/chi nhánh *(theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động/Giấy phép thành lập và hoạt động)*:

3. Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện/Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh số: Nơi cấp: Ngày cấp:

4. Điện thoại: Fax:

5. Email: Website: (nếu có)

II. Nhân sự của văn phòng đại diện/chi nhánh

1. Trưởng văn phòng đại diện/Giám đốc chi nhánh:

Họ và tên:

Giới tính:

Quốc tịch:

Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân:

Nơi cấp:

Ngày cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/nơi thường trú (đối với người Việt Nam)¹:

Giấy phép lao động (đối với người nước ngoài):

Thời hạn làm việc:

Email:

Fax:

Số điện thoại:

2. Lao động làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh (*chi tiết từng nhân viên*):

STT	Họ và tên	Giới tính	Quốc tịch	Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân	Nơi cấp, ngày cấp	Chức vụ
1						
...						

III. Nội dung hoạt động văn phòng đại diện/chi nhánh

- Văn phòng đại diện (*ghi cụ thể các nội dung hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện*)

- Chi nhánh (*ghi cụ thể các nghiệp vụ được cấp phép theo Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh*)

IV. Các vấn đề khác

- Thông báo hoạt động trên báo (nêu tên tờ báo viết hoặc báo điện tử, số ra ngày)

- Các vấn đề khác (nếu có)

Các tài liệu kèm theo:

1. Giấy biên nhận của cơ quan báo viết hoặc báo điện tử về việc nhận đăng thông báo hoạt động của văn phòng đại diện/chi nhánh hoặc các giấy tờ khác chứng minh việc đã đăng báo;

2. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu của văn phòng đại diện/chi nhánh do cơ quan công an cấp (nếu có);

3. Bản sao hợp lệ các tài liệu bao gồm: thị thực nhập cảnh, hợp đồng lao động của Trưởng văn phòng đại diện/giám đốc chi nhánh và hợp đồng lao động của lao động nước ngoài làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh; bản cung cấp thông tin, hợp đồng lao động của lao động Việt Nam làm việc tại văn phòng đại diện/chi nhánh; hộ chiếu, thị thực nhập cảnh, giấy phép lao động của lao động nước ngoài./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹ Cụm từ “nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (đối với người Việt Nam)” được thay thế bởi cụm từ “nơi thường trú (đối với người Việt Nam)” theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 43/2023/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình và khai thông tin về đăng ký sổ hộ khẩu, sổ tạm trú hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận của địa phương nơi cư trú khi thực hiện các chính sách hoặc thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 6 năm 2023.

Phụ lục VI
MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TÊN CHI NHÁNH CÔNG TY
QUẢN LÝ QUỸ NƯỚC NGOÀI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm.....

BÁO CÁO
Tình hình hoạt động quản lý danh mục đầu tư
(Tháng ... năm ...)

1. Tên chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài:
2. Tên ngân hàng lưu ký/thành viên lưu ký:
3. Tài khoản lưu ký:
4. Ngày lập báo cáo:

I. Thông tin chung về tình hình quản lý danh mục đầu tư

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước	Ghi chú
1	Tổng số Hợp đồng ủy thác đầu tư đang thực hiện			
	Tổ chức (%)			
	Cá nhân (%)			
2	Tổng giá trị các Hợp đồng ủy thác đầu tư (Hợp đồng khung)			
	Tổ chức (%)			
	Cá nhân (%)			
3	Tổng giá trị các Hợp đồng ủy thác đầu tư (Giá trị giải ngân thực tế)			
	Tổ chức (%)			
	Cá nhân (%)			
4	Tổng giá trị thị trường các danh mục đầu tư			
	Tổ chức (%)			
	Cá nhân (%)			
5	Tổng số giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư thu được trong kỳ			
6	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bình quân (5/4)			

II. Tình hình giao dịch của hoạt động quản lý danh mục đầu tư trong kỳ

Mua		Bán		Tổng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản quản lý ủy thác bình quân	
Khối lượng	Giá trị	Khối lượng	Giá trị	Kỳ này	Kỳ trước

III. Thông tin tổng hợp về các hợp đồng ủy thác đầu tư

1. Tên khách hàng:
2. Mã số giao dịch chứng khoán (nếu có):
3. Tài khoản lưu ký:
4. Tên ngân hàng lưu ký/thành viên lưu ký:

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tổng giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị của các danh mục đầu tư tại thời điểm báo cáo
A	Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch				
I	Cổ phiếu niêm yết				
1					
	Tổng				
II	Chứng chỉ quỹ				
1					
	Tổng				
III	Cổ phiếu đăng ký giao dịch				
1					
	Tổng				
IV	Trái phiếu				
1					
	Tổng				
V	Các loại chứng khoán niêm yết khác				
1					
	Tổng				
	Tổng (I+II+III+IV+V)				
B	Chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch				
I	Cổ phiếu				
1					
	Tổng				
II	Chứng chỉ quỹ				
1					
	Tổng				
III	Trái phiếu				
1					
	Tổng				
IV	Các loại chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch khác				
1					

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tổng giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị của các danh mục đầu tư tại thời điểm báo cáo
	Tổng				
	Tổng (I+II+III+IV)				
C	Các loại tài sản khác				
1					
	Tổng				
D	Tiền				
1	Tiền, tương đương tiền				
2	Tiền gửi ngân hàng				
	Tổng				
	Tổng danh mục đầu tư (A+B+C+D)				

IV. Thông tin tổng hợp về các hợp đồng ủy thác đầu tư

STT	Loại	Số lượng	Tổng giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị của các danh mục đầu tư tại thời điểm báo cáo
A	Chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch			
I	Cổ phiếu niêm yết			
1				
2				
	Tổng			
II	Chứng chỉ quỹ			
1				
	Tổng			
III	Cổ phiếu đăng ký giao dịch			
1				
2				
	Tổng			
IV	Trái phiếu			
1				
2				
	Tổng			
V	Các loại chứng khoán niêm yết khác			
1				
2				
	Tổng			
	Tổng (I+II+III+IV+V)			
B	Chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch			
I	Cổ phiếu			
1				
2				
	Tổng			
II	Chứng chỉ quỹ			
1				
2				

STT	Loại	Số lượng	Tổng giá trị thị trường tại thời điểm báo cáo (VND)	Tỷ lệ %/Tổng giá trị của các danh mục đầu tư tại thời điểm báo cáo
	Tổng			
III	Trái phiếu			
1				
2				
	Tổng			
IV	Các loại chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch khác			
1				
2				
	Tổng			
	Tổng (I+II+III+IV)			
C	Các loại tài sản khác			
1				
2				
	Tổng			
D	Tiền			
1	Tiền, tương đương tiền			
2	Tiền gửi ngân hàng			
	Tổng			
	Tổng danh mục đầu tư (A+B+C+D)			

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ/THÀNH VIÊN
LƯU KÝ**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)